


PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất Tên phân loại, tên sản phẩm: Calcium hypochlorite			
Số CAS: 7778-54-3 Số UN: 1748 Số đăng ký EC: 231-908-7 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):		 DHC Dai Hoan Cau Ltd.	
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Chlorua vôi		Mã sản phẩm (nếu có)	
- Tên thương mại: Calcium hypochlorite			
- Tên khác (không là tên khoa học): Chất tẩy trắng, muối Calcium			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: Công ty TNHH TM DV ĐẠI HOÀN CẦU		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Công ty TNHH TM DV Đại Hoàn Cầu Điện thoại: 08 62779771	
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: NIPPON SODA CO., LTD. Ohtemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan.			
- Mục đích sử dụng: Tẩy rửa công nghiệp, làm bột giấy và chất tẩy trắng, xử lý nước			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Thành phần 1: Calcium hypochlorite	7778-54-3	Ca(OCl) ₂	70%
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm Osha: cấp độ 3			
2. Cảnh báo nguy hiểm - Chất oxi hóa mạnh, chất ăn mòn, - Lưu ý khi tiếp xúc: tránh tiếp xúc trực tiếp			
3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng - Đường mắt: gây sưng tấy mắt, chảy nước mắt, đỏ và sung mí mắt. Nặng hơn có thể làm loét tổn thương mắt vĩnh viễn. - Đường thở: hít phải bụi có thể gây dị ứng nhẹ hoặc ảnh hưởng đến đường hô hấp, tùy theo độ hít phải. Triệu chứng: hắt hơi, sổ mũi, đau họng, có thể gây viêm phổi - Đường da: gây bỏng với vết loét nặng và để lại sẹo vĩnh viễn - Đường tiêu hóa: gây đau, rát nếu nuốt phải có thể gây cháy miệng, họng, dạ dày. Triệu chứng bao gồm: chảy máu, nôn, tiêu chảy, hạ huyết áp.			

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): rửa mắt nhanh chóng với nước trong vòng 15 phút; dung thuốc rửa mắt; tư vấn với bác sỹ khoa mắt ngay lập tức.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): bỏ những đôi giày, vớ, áo quần, rửa sạch với nước. Sau đó gọi bác sỹ ngay
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): di chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực xảy ra sự cố; tư vấn với bác sỹ trong trường hợp có dấu hiệu bất thường về hô hấp.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): nếu nuốt phải sau đó phải uống nhiều nước hoặc nước chanh. Không được cho vào miệng bệnh nhân bất cứ vật gì. Chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất và có sự điều trị của bác sỹ.
- 5. Lưu ý đối với bác sỹ điều trị** (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): không dễ cháy
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: nước**
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...): nhiệt độ cao
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác** : dập tắt bằng nước
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** quần áo chống lửa, bình cứu hỏa, hệ thống phun nước để dập lửa
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- 1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ: rửa sạch bằng nước**
- 2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng: rửa sạch bằng nước, tránh nhiệt độ cao**

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...): mặc đồ bảo hộ, đeo gang tay, ủng
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...): tránh nhiệt độ cao, tránh các nguồn gây ra cháy nổ.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...): mặc quần áo bảo hộ, đeo găng tay, ủng
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
 - Bảo vệ mắt: đeo kính bảo hộ
 - Bảo vệ thân thể: mặc quần áo bảo hộ
 - Bảo vệ tay: đeo gang tay
 - Bảo vệ chân: mang ủng
- 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: mặc quần áo bảo hộ**
- 4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...): rửa tay chân sạch sẽ nếu có tiếp xúc với sản phẩm

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: dạng hạt	Điểm sôi ($^{\circ}\text{C}$): không áp dụng
Màu sắc: trắng	Điểm nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$): phân hủy ở nhiệt độ trên 100°C
Mùi đặc trưng: mùi clorin	Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) không áp dụng

Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn:	Nhiệt độ tự cháy (⁰ C):
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn :	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không áp dụng
Độ hòa tan trong nước:	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không áp dụng
Độ PH: không áp dụng	Tỷ lệ hóa hơi: không áp dụng
Khối lượng riêng (kg/m ³):	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...)

2. Khả năng phản ứng:

- Các phản ứng nguy hiểm: tạo ra hơi nóng dễ đốt cháy

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1	Chlorine		Nuốt	Chuột
Thành phần 2 (nếu có)				
Thành phần 3 (nếu có)				

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...): Viêm phế quản

2. Các ảnh hưởng độc khác

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Thành phần 1			
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
Thành phần 4 (nếu có)			

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: phân hủy ngay khi tiếp xúc với không khí

- Chỉ số BOD và COD: không có

- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: nước và CO₂

- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: không có

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): theo quy định của nhà nước

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: chưa có thông tin

3. Biện pháp tiêu hủy: hòa tan với nước

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: nước và CO₂

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung

		biên		gói		
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.	1748		5.1	45kg /thùng	khoản 2 Điều 9 Nghị định 104/2009/NĐ-CP	
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	1748		5.1	45 kg /thùng		
XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ						
1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): chưa có thông tin 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: chưa có thông tin 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ: chưa có thông tin						
XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC						
Ngày tháng biên soạn Phiếu: 1/10/2011						
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:						
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV Đại Hoàn Cầu						
Lưu ý người đọc: Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc						